

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HS-ST
Ngày: 29-11-2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Niều.

Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Trinh Nhân, bà Hồ Thị Q - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Phan Văn L, sinh ngày 01/01/1991, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn N và bà Dương Thị H; Có vợ và 02 con; Tiền án: 01 lần, ngày 08/02/2022, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xử phạt 06 tháng tù về Tội vi phạm quy định về nhập cảnh, chấp hành xong ngày 08/10/2022; Tiền sự: 01 lần, ngày 10/4/2024, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 12 tháng; Nhân thân: Ngày 10/9/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai phạt 01 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 20/8/2015; Tạm giữ: Không; Tạm giam: Ngày 23/10/2024; Có mặt.

- Bị hại: Phan Văn S, sinh ngày 11/3/1991; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Phan Văn Bé B, Nguyễn Văn Đ, Trần Thị S1, Phạm Văn Đ1, Phan Văn C; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 29/4/2024, Phan Văn L đi bộ qua cánh đồng hướng từ Campuchia về Việt Nam. Khi đến bờ kênh B, khu G thuộc ấp B, xã T, huyện H, thấy chiếc tắc ráng dài 11,9 mét, neo đậu mà không có người trông coi nên L nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Trên tắc ráng có gắn máy xăng hiệu Hinota, công suất 18HP; kèm dàn tắc xi dài hơn 02 mét, gắn chân vịt 02 cánh; 60 bao phân bò khô; 02 tấm bạt phủ bằng nhựa; 05 sợi dây tải; 01 can nhựa loại 05 lít chứa 04 lít xăng A92; 01 tay quay và 01 mỏ lết bằng kim loại. Lai tiếp cận, tháo dây thừng buộc tắc ráng, kéo về hướng cầu K, leo lên tắc ráng kéo bỏ 60 bao phân bò xuống nước, đổ can xăng vào máy, khởi động và điều về hướng cầu N. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/4/2024, khi thấy không ai phát hiện, L tiếp tục dùng dầm bơi tắc ráng về bờ ấp B, xã T. Khi bơi đến giữa sông S, L vớt dàn tắc xi, máy xăng và các tài sản khác xuống sông. L dùng dầm bơi tắc ráng vào bờ sông, cho nước vào nhả chìm tắc ráng, dùng dây thừng buộc lại và phủ kín lục bình để không bị phát hiện.

Sáng ngày 30/4/2024, ông Phan Văn S phát hiện tài sản bị mất trộm nên tìm kiếm thì phát hiện nhiều bao phân bò bị vớt bỏ trên sông đoạn ngã ba dưới cầu K; các tài sản khác và chiếc tắc ráng, gia đình tìm kiếm xung quanh nhưng không thấy.

Đến khoảng 09 giờ ngày 12/6/2024, ông Nguyễn Văn Đ điều khiển tắc ráng trên sông, phát hiện chiếc tắc ráng nêu trên bị chìm dưới sông, nên cùng một số người vớt lên và dùng lục bình phủ lên thành tắc ráng. Đến 19 giờ cùng ngày, ông Phan Văn S thấy chiếc tắc ráng bị mất trộm ở khu vực bờ sông S gần nhà ông Nguyễn Văn Đ nên hỏi thăm, thì ông Đ cho ông S nhận lại tắc ráng. Nghi vấn chiếc tắc ráng bị mất trộm có liên quan đến Phan Văn L và ông Nguyễn Văn Đ, nên ngày 21/6/2024, ông S đến Công an xã T trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, Phan Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản, xác định được vị trí nơi bị hại S neo đậu chiếc tắc ráng trước khi bị L lấy trộm, thực hiện được hành vi nhả chìm chiếc tắc ráng do trộm được xuống sông để cất giấu.

Vật chứng:

- 01 Tắc ráng nhựa composite, dài 11,9 mét, chiều ngang rộng nhất 1,6m, hẹp nhất, ở mũi tắc ráng 0,85 mét, cao 0,8 mét, phía trong khoang mũi và khoang

đuôi có sơn màu bạc chữ “HÀO”, là tài sản thuộc sở hữu của Phan Văn S nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả tài sản cho bị hại S.

- Đối với các tài sản khác trên tắc ráng: 01 máy động cơ xăng nhãn hiệu Hinota, công suất 18HP; 01 dàn tắc xi dài 02 mét gắn 01 chân vịt; 02 tấm bạt phủ bằng nhựa kích thước dài 12 mét, rộng 06 mét; 05 sợi dây tải đường kính 05 cm, dài 10 mét; 01 tay quay bằng kim loại; 01 mỏ lết bằng kim loại; 01 cal nhựa loại 05 lít đã qua sử dụng, bên trong chứa 04 lít xăng A92; 60 cái bao bên trong chứa phân bò khô, mỗi bao trọng lượng 20 kg. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm, nhưng không tìm được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 24/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 05/7/2024 và 34/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 17/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: 01 chiếc tắc ráng bằng chất liệu nhựa composite dài 11,9 mét, đã qua sử dụng, trị giá 44.700.000 đồng; 04 lít xăng A92, trị giá 95.676 đồng; 01 máy động cơ xăng nhãn hiệu Hinota, công suất 18HP, đã qua sử dụng, trị giá 5.000.000 đồng; 01 dàn tắc xi dài 02 mét gắn chân vịt, đã qua sử dụng, trị giá 1.000.000 đồng; 60 bao bên trong chứa phân bò khô, mỗi bao 20 kg, trị giá 900.000 đồng; 02 tấm bạt phủ bằng nhựa kích thước dài 12 mét, rộng 06 mét, đã qua sử dụng, trị giá 800.000 đồng; 05 sợi dây tải đường kính 05 cm, dài 10 mét, đã qua sử dụng, trị giá 700.000 đồng; 01 tay quay bằng kim loại, đã qua sử dụng, trị giá 50.000 đồng; 01 mỏ lết bằng kim loại, đã qua sử dụng, trị giá 50.000 đồng; 01 cal nhựa loại 05 lít, đã qua sử dụng, trị giá 20.000 đồng.

Tại Cáo trạng truy tố số 51/CT-VKSHN ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự (Sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Phan Văn L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, về “Tội trộm cắp tài sản”. Về vật chứng: Đã xử lý xong. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn Đ, khi phát hiện chiếc tắc ráng của ông S bị nhấn chìm dưới nước, ông Đ đã vớt lên nhằm mục đích có ai đến nhận thì cho nhận lại, ý thức ông Đ không biết chiếc tắc ráng do trộm cắp có được, nên không đề cập đến trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận, chỉ nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo Phan Văn L là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Phan Văn S gồm 01 chiếc tắc rắng và các tài sản khác trên tắc rắng, tổng trị giá 53.315.676 đồng. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Phan Văn L phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Phan Văn L là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội

một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về nhân thân: Từng có 01 tiền án, đang có 01 tiền án, 01 tiền sự.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại, Hội đồng xét xử xem xét là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Căn cứ vào các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[10] Về vật chứng: Đã xử lý xong.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[12] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[13] Những vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập, nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự,

1.1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn L phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

1.2. Xử phạt bị cáo Phan Văn L 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 10 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 590 Bộ luật Dân sự, công nhận sự thỏa thuận của bị cáo với bị hại:

2.1. Bị cáo Phan Văn L có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm cho bị hại Phan Văn S số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

2.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phan Văn L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 11 năm 2024). Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú